BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

Số: 1403/QĐ-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuẩn trao đổi dữ liệu giữa hệ thống của Tổng cục Thuế và Ngân hàng thương mại, Đơn vị trung gian thanh toán đáp ứng nộp thuế điện tử bằng hình thức nộp qua Internet Banking

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Quyết định số 115/2009/QĐ-TTg ngày 28/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 114/QĐ-BTC ngày 15/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ thông tin trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chuẩn trao đổi dữ liệu giữa hệ thống của Tổng cục Thuế và Ngân hàng thương mại, Đơn vị trung gian thanh toán đáp ứng nộp thuế điện tử bằng hình thức nộp qua Internet Banking".

Điều 2. Chuẩn trao đổi dữ liệu ban hành kèm theo Quyết định này là điều kiện kỹ thuật áp dụng cho các Ngân hàng thương mại và các Đơn vị trung gian thanh toán khi thực hiện kết nối với Tổng cục Thuế để triển khai cung cấp dịch vụ nộp thuế điện tử bằng hình thức nộp qua Internet Banking.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Website Tổng cục Thuế;
- Lưu: VT, CNTT (2b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Đại Trí

CHUẨN TRAO ĐỔI DỮ LIỆU GIỮA HỆ THỐNG CỦA TỔNG CỤC THUẾ VÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, ĐƠN VỊ TRUNG GIAN THANH TOÁN ĐÁP ỨNG NỘP THUẾ ĐIỆN TỬ BẰNG HÌNH THỨC NỘP QUA INTERNETBANKING

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1403/QĐ-TCT ngày 30 / 8 /2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

Hà Nội, 08/2018

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU 1
1. Tổng quan 1
2. Phạm vi 1
3. Thông tin liên hệ và hỗ trợ 1
4. Danh mục thuật ngữ/từ viết tắt 1
II. DỮ LIỆU TRAO ĐỔI GIỮ TỔNG CỤC THUẾ VÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, ĐƠN VỊ TRUNG GIAN THANH TOÁN 3
1. Phạm vi dữ liệu trao đổi 3
2. Giải pháp cung cấp 3
3. Mô hình trao đổi dữ liệu 3
4. Nội dung dữ liệu trao đổi 3
4.1. Gửi thông tin chứng từ từ các ĐVTT đến hệ thống của Tổng cục Thuế 3
4.2. Tra cứu thông tin chứng từ từ các ĐVTT đến hệ thống của Tổng cục Thuế 6
4.3. Dịch vụ cung cấp tra cứu sổ thuế LPTB 9
III ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU 11
1. Danh sách các ứng dụng tham gia kết nối 11
2. Danh sách các loại message truyền - nhận 11
3. Chuẩn kết nối 11
4. Chuẩn dữ liệu 12
4.1. Chuẩn liên ngân hàng khi triển khai NTĐT đối với LPTB 12
4.2. Quy ước về biểu diễn dữ liệu 13
4.3. Chuẩn ký tự 13
4.4. Chuẩn khuôn dạng message truyền nhận 13
4.4.1. Khuôn dạng message chung 13
4.4.2. Khuôn dạng message chứng từ gửi từ ĐVTT tới GIP/T2B 17
4.4.3. Khuôn dạng message truy vấn chứng từ trên GIP/T2B 22
4.4.4. Khuôn dạng message trả lời truy vấn chứng từ từ GIP/T2B tới ĐVTT 24
4.4.5. Khuôn dạng message phản hồi kết quả nhận chứng từ 29
4.4.6. Khuôn dạng message truy vấn sổ thuế LPTB 31
4.4.7. Khuôn dạng message Trả lời Truy vấn sổ thuế LPTB 32
4.5. Chuẩn bảo mật 37
IV CÁC LOẠI DANH MỤC 40
1. Danh mục trạng thái chứng từ 40
2. Danh mục thông báo 40
3. Danh mục loại NNT 40
4. Danh mục hình thức nộp 41
5. XSD Schemas tương ứng 41

I. GIỚI THIỆU

1. Tổng quan

Tài liệu này mô tả chuẩn trao đổi dữ liệu giữa Tổng cục Thuế với các Ngân hàng thương mại/Đơn vị trung gian thanh toán trong việc nộp thuế điện tử thông qua hình thức Internet Banking, cụ thể:

- Mô tả chi tiết các thông số kết nối thông qua các API sử dụng WebSevice.
- Mô tả chi tiết khuôn dạng dữ liệu của các message tham gia vào trao đổi thông tin giữa Ngân hàng thương mại, Đơn vị trung gian thanh toán và hệ thống Tổng cục Thuế.

Ngoài ra, tài liệu này là cơ sở để lập trình, kết nối, kiểm thử hệ thống, người dùng trong việc xây dựng ứng dụng trao đổi dữ liệu giữa Tổng cục Thuế và Ngân hàng thương mại/Đơn vị trung gian thanh toán.

2. Phạm vi

Đặc tả chuẩn trao đổi dữ liệu và khuôn dạng message truyền nhận giữa Ngân hàng thương mại, Đơn vị trung gian thanh toán với hệ thống của Tổng cục Thuế thông qua hình thức nộp thuế Internet Banking tại các Ngân hàng thương mại, Đơn vị trung gian thanh toán.

3. Thông tin liên hệ và hỗ trợ

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Tổng cục Thuế (qua Cục CNTT) xem xét, sửa đổi, bổ sung tài liệu cho phù hợp.

4. Danh mục thuật ngữ/từ viết tắt

Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Định nghĩa
API	Giao diện lập trình ứng dụng
CKS	Chữ ký số
CMND	Chứng minh nhân dân
CN BĐS	Chuyển nhượng bất động sản
CP	Chính phủ
CQ	Cơ quan
CQT	Cơ quan thuế

Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Định nghĩa
CSDL	Cơ sở dữ liệu
ĐBHC	Địa bàn hành chính
ĐVTT	Ngân hàng thương mại hoặc Đơn vị trung gian thanh toán
ESB	Trục tích hợp ngành thuế
GIP/T2B	Cổng cung cấp thông tin cho các đơn vị bên ngoài
GTGT	Giá trị gia tăng
KBNN	Kho bạc nhà nước
LPTB	Lệ phí trước bạ
MST	Mã số thuế
NH	Ngân hàng
NN	Nhà nước
NNT	Người nộp thuế
NSNN	Ngân sách nhà nước
NTĐT	Nộp thuế điện tử
QĐ	Quyết định
TC	Tài chính
TCT	Tổng cục thuế
TK	Tài khoản

II. DỮ LIỆU TRAO ĐỔI GIỮ TỔNG CỤC THUẾ VÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, ĐƠN VỊ TRUNG GIAN THANH TOÁN.

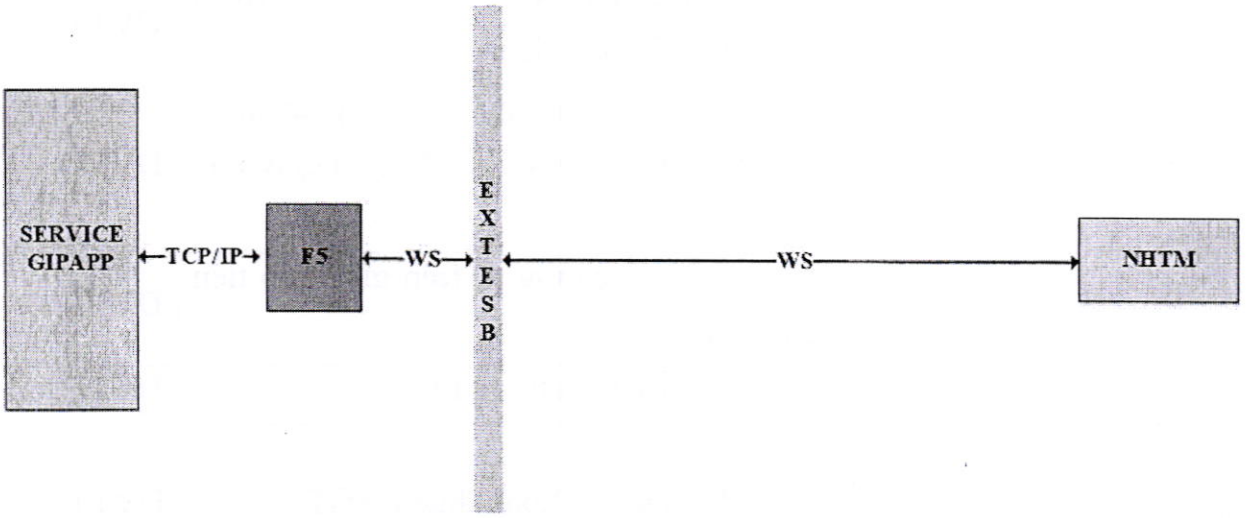
1. Phạm vi dữ liệu trao đổi

- Thông tin chứng từ từ các ĐVTT.
- Sổ thuế LPTB.

2. Giải pháp cung cấp

- Tổng cục Thuế cung cấp các dịch vụ (Web Service) cho hệ thống của ĐVTT để thực hiện việc trao đổi dữ liệu.
- Các dữ liệu trao đổi phải được thực hiện ký số trước khi truyền nhận.

3. Mô hình trao đổi dữ liệu



- External ESB: Là trục truyền tin bên ngoài ngành Thuế, thực hiện truyền tin giữa cơ quan Thuế và các ứng dụng bên ngoài nghành Thuế. External ESB nhận các thông tin GIP qua Internal ESB rồi truyền cho các đơn vị bên ngoài ngành Thuế.
- Service GipApp: Cung cấp dữ liệu cho các hệ thống khác khai thác thông qua trục tích hợp theo giao thức MQ, và giao thức HTTPS (Web Service).
- NHTM: Hệ thống của các ngân hàng thương mại

4. Nội dung dữ liệu trao đổi

4.1. Gửi thông tin chứng từ từ các ĐVTT đến hệ thống của Tổng cục Thuế

- Hệ thống của ĐVTT thực hiện gọi dịch vụ gửi thông tin chứng từ để gửi chứng từ sang hệ thống của Tổng cục Thuế.
- Thông tin dữ liệu trong chứng từ gửi được mô tả chi tiết như sau:

STT	Thông tin	Mô tả	Người cung cấp
1	MST	MST của NNT ghi trên giấy nộp tiền	ĐVTT
2	Tên NNT	Tên NNT tương ứng với MST	ĐVTT
3	Địa chỉ NNT	Địa chỉ của NNT ghi trên giấy nộp tiền	ĐVTT
4	MST người nộp thay	MST của người được ủy quyền nộp thay ghi trên giấy nộp tiền	ĐVTT
5	Tên người nộp thay	Tên người nộp thay tương ứng với MST người nộp thay	ĐVTT
6	Địa chỉ người nộp thay	Địa chỉ của người nộp thay ghi trên giấy nộp tiền	ĐVTT
7	Số TK tại NH/KBNN	Số tài khoản của NNT mở tại NH/ KBNN ghi trên giấy nộp tiền	ĐVTT
8	CQ quản lý thu	Tên của cơ quan thu trực tiếp quản lý khoản nộp NSNN được ghi trên giấy nộp tiền	ĐVTT
9	Số chứng từ	Thông tin số chứng từ trên giấy nộp tiền của NNT	ĐVTT
10	Ngày chứng từ	Ngày ĐVTT lập chứng từ	ĐVTT
11	Tính chất khoản nộp	Giá trị: - TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT - Nộp vào NSNN	ĐVTT
12	CQ thẩm quyền	Giá trị: - Kiểm toán NN - Thanh tra TC - Thanh tra CP - CQ có thẩm quyền khác	ĐVTT
13	Mã ĐVTT	Mã 8 số của ĐVTT nơi gửi chứng từ sang GIP	ĐVTT
14	Tỉnh	Thông tin mã tỉnh	ĐVTT
15	Huyện	Thông tin mã huyện	ĐVTT
16	Mã hình thức nộp	Giá trị: 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07	ĐVTT
17		- 00: Nộp tại cổng NTĐT của TCT	ĐVTT

STT	Thông tin	Mô tả	Người cung cấp
	Diễn giải hình thức nộp	- 01: Nộp tại quầy - 02: Nộp qua hình thức EBanking - 03: Nộp qua ATM - 04: Nộp qua Home Banking - 05: Nộp qua Mobile Banking - 06: Nộp qua hình thức điện tử khác - 07: Nộp qua hình thức phi điện tử khác	
18	Loại hình NNT	Giá trị: - 0: Không xác định - 1: Doanh nghiệp - 2: Cá nhân	ĐVTT
19	Loại tiền	Giá trị: - VND - USD	ĐVTT
20	Số quyết định	Số quyết định, số tờ khai, số thông báo	ĐVTT
21	Địa chỉ tài sản	Với CN BĐS là địa chỉ/số lô/số thửa	ĐVTT
22	Số khung	Đối với LPTB ô tô xe máy	ĐVTT
23	Số máy	Đối với LPTB ô tô xe máy	ĐVTT
24	Ngày nộp tiền	Ngày nộp tiền	ĐVTT
25	Đặc điểm phương tiện	Đặc điểm phương tiện (Loại TS, Nhãn hiệu, Số loại hoặc Tên thương mại Loại TS: xxx; Nhãn hiệu: xxx; Số Loại/Tên Thương mại: xxxx)	ĐVTT
	Chương	Mã chương ghi trên giấy nộp tiền của NNT	ĐVTT
27	Tiểu mục	Mã tiểu mục (mã nội dung kinh tế) ghi trên giấy nộp tiền của NNT	ĐVTT
28	Thông tin khoản nộp	Thông tin chi tiết tên khoản nộp mà NNT ghi trên giấy nộp tiền	ĐVTT
29	Số tiền	Số tiền NNT nộp ghi trên giấy nộp tiền	ĐVTT
30	Kỳ thuế	Kỳ thuế	ĐVTT

- Hệ thống của Tổng cục Thuế nhận thông tin chứng từ và kiểm tra thông tin CKS của ĐVTT:

+ Trường hợp thông tin CKS của ĐVTT không hợp lệ, hệ thống gửi kết quả phản hồi xác thực CKS không thành công cho ĐVTT.

+ Trường hợp thông tin CKS của ĐVTT hợp lệ, thực hiện:

- Ký nhân danh TCT lên kết quả xác nhận và lưu trữ.
- Gửi kết quả xác nhận đã thành công tới ĐVTT.

4.2. Tra cứu thông tin chứng từ từ các ĐVTT đến hệ thống của Tổng cục Thuế

- ĐVTT nhập điều kiện tìm kiếm thông tin chứng từ và thực hiện truy vấn vào hệ thống của Tổng cục Thuế để lấy thông tin.

- Thông tin dữ liệu tra cứu chứng từ được mô tả chi tiết như sau:

STT	Thông tin	Mô tả	Người cung cấp
1	MST	MST của NNT ghi trên giấy nộp tiền	ĐVTT
2	MST người nộp thay	MST của người được ủy quyền nộp thay ghi trên giấy nộp tiền	ĐVTT
3	Số chứng từ	Nhập số chứng từ cần tra cứu	ĐVTT
4	Ngày chứng từ (Từ ngày… đến ngày…)	Nhập ngày chứng từ tra cứu trong khoảng từ ngày ... đến ngày…	ĐVTT
5	Trạng thái	Giá trị: 01: Thành công 02: Hủy	ĐVTT

- Hệ thống GIP/T2B tiếp nhận yêu cầu tra cứu chứng từ và kiểm tra CKS của ĐVTT.

+ Trường hợp thông tin CKS của ĐVTT không hợp lệ, hệ thống gửi kết quả phản hồi xác thực CKS không thành công cho ĐVTT.

+ Trường hợp thông tin CKS của ĐVTT hợp lệ, thực hiện:

- Tìm kiếm thông tin chứng từ thu thuế trong CSDL GIP/T2B thỏa mãn điều kiện tìm kiếm.
- Thực hiện ký nhân danh TCT lên kết quả tìm kiếm.
- Gửi trả kết quả tra cứu cho ĐVTT, thông tin chứng từ trả ra bao gồm:

STT	Thông tin	Mô tả	Người cung cấp
1	MST	MST của NNT ghi trên giấy nộp tiền	TCT
2	Tên NNT	Tên NNT tương ứng với MST	TCT
3	Địa chỉ NNT	Địa chỉ của NNT ghi trên giấy nộp tiền	TCT
4	MST người nộp thay	MST của người được ủy quyền nộp thay ghi trên giấy nộp tiền	TCT
5	Tên người nộp thay	Tên người nộp thay tương ứng với MST người nộp thay	TCT
6	Địa chỉ người nộp thay	Địa chỉ của người nộp thay ghi trên giấy nộp tiền	TCT
7	Số TK tại NH/KBNN	Số tài khoản của NNT mở tại NH/ KBNN ghi trên giấy nộp tiền	TCT
8	CQ quản lý thu	Tên của cơ quan thu trực tiếp quản lý khoản nộp NSNN được ghi trên giấy nộp tiền	TCT
9	Số chứng từ	Thông tin số chứng từ trên giấy nộp tiền của NNT	TCT
10	Ngày chứng từ	Ngày ĐVTT lập chứng từ	TCT
11	Tính chất khoản nộp	Giá trị: - TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT - Nộp vào NSNN	TCT
12	CQ thẩm quyền	Giá trị: - Kiểm toán NN - Thanh tra TC - Thanh tra CP - CQ có thẩm quyền khác	TCT
13	Mã ĐVTT	Mã 8 số của ĐVTT nơi gửi chứng từ sang GIP/T2B	TCT
14	Trạng thái chứng từ	Giá trị: 01: Thành công 02: Hủy	
15	Tỉnh	Thông tin mã tỉnh	TCT
16	Huyện	Thông tin mã huyện	TCT

STT	Thông tin	Mô tả	Người cung cấp
17	Mã hình thức nộp	Giá trị: 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07	TCT
18	Diễn giải hình thức nộp	- 00: Nộp tại cổng NTĐT của TCT - 01: Nộp tại quầy - 02: Nộp qua hình thức EBanking - 03: Nộp qua ATM - 04: Nộp qua Home Banking - 05: Nộp qua Mobile Banking - 06: Nộp qua hình thức điện tử khác - 07: Nộp qua hình thức phi điện tử khác	TCT
19	Loại tiền	Loại tiền + VND + USD	
20	Loại hình NNT	Giá trị: - 0: Không xác định - 1: Doanh nghiệp - 2: Cá nhân	TCT
21	Số quyết định	Số quyết định, số tờ khai, số thông báo	TCT
22	Địa chỉ tài sản	Với CN BĐS là địa chỉ/số lô/số thửa	TCT
23	Số khung	Đối với LPTB ô tô xe máy	TCT
24	Số máy	Đối với LPTB ô tô xe máy	TCT
25	Ngày nộp tiền	Ngày nộp tiền	TCT
26	Đặc điểm phương tiện	Đặc điểm phương tiện (Loại TS, Nhãn hiệu, Số loại hoặc Tên thương mại Loại TS: xxx; Nhãn hiệu: xxx; Số Loại/Tên Thương mại: xxxx)	TCT
27	Chương	Mã chương ghi trên giấy nộp tiền của NNT	TCT
28	Tiểu mục	Mã tiểu mục (mã nội dung kinh tế) ghi trên giấy nộp tiền của NNT	TCT
29	Thông tin khoản nộp	Thông tin chi tiết tên khoản nộp mà NNT ghi trên giấy nộp tiền	TCT

STT	Thông tin	Mô tả	Người cung cấp
30	Số tiền	Số tiền NNT nộp ghi trên giấy nộp tiền	TCT
31	Kỳ thuế	Kỳ thuế	TCT

4.3. Dịch vụ cung cấp tra cứu sổ thuế LPTB

- ĐVTT thực hiện nhập số quyết định (số tờ khai), mã số thuế, loại thuế gửi thông tin truy vấn tới hệ thống GIP/T2B để tra cứu thông tin sổ thuế LPTB (Loại thuế không bắt buộc nhập).

- Hệ thống GIP/T2B tiếp nhận yêu cầu tra cứu thông tin sổ thuế LPTB và kiểm tra CKS của ĐVTT:

+ Trường hợp thông tin CKS của ĐVTT không hợp lệ, hệ thống gửi kết quả phản hồi xác thực CKS không thành công cho ĐVTT.

+ Trường hợp thông tin CKS của ĐVTT hợp lệ, thực hiện:

▪ Tìm kiếm thông tin sổ thuế LPTB trong CSDL GIP/T2B thỏa mãn điều kiện tìm kiếm.

▪ Gửi trả lại kết quả tra cứu cho ĐVTT. Thông tin chi tiết như sau:

STT	Thông tin	Mô tả	Người cung cấp
1	MST	Mã số thuế của NNT (thông tin chung của NNT)	TCT
2	Tên NNT	Tên người nộp thuế	TCT
3	Loại NNT	Loại người nộp thuế	TCT
4	Số CMND	Số chứng minh nhân dân	TCT
5	Mã chương	Mã chương của NNT (thông tin chung NNT)	TCT
6	Mã CQT quản lý	Mã cơ quan thuế quản lý NNT	TCT
7	Địa chỉ	Mô tả địa chỉ	TCT
8	Tỉnh/Thành phố	Mã tỉnh	TCT
9	Quận/Huyện	Mã huyện	TCT
10	Phường/xã	Mã xã	TCT
11	MST	Mã số thuế của NNT (thông tin sổ thuế)	TCT
12	Mã chương	Mã chương của khoản phải nộp (thông tin sổ thuế)	TCT

STT	Thông tin	Mô tả	Người cung cấp
13	Mã CQ thu	Mã cơ quan thu	TCT
14	Số hiệu kho bạc	Số hiệu kho bạc	TCT
15	Tiểu mục	Tiểu mục khoản phải nộp	TCT
16	Nợ cuối kỳ	Nợ cuối kỳ	TCT
17	Số Tài khoản có	Tài khoản hạch toán khoản nộp của NNT	TCT
18	Số quyết định	Số quyết định, số tờ khai, số thông báo	TCT
19	Ngày quyết định	Ngày QĐ tương ứng với số QĐ	TCT
20	Tỉ giá	Tỉ giá lần xuất bản	TCT
21	Loại tiền	Loại tiền + VND + USD	TCT
22	Loại thuế	Loại thuế	TCT
23	Địa chỉ tài sản	Với CN BĐS là địa chỉ/số lô/số thửa	TCT
24	Mã ĐBHC	Mã địa bàn hành chính	TCT
25	Số khung	Số khung với LPTB ô tô, xe máy	TCT
26	Số máy	Số máy với LPTB ô tô, xe máy	TCT
27	Kỳ thuế	Kỳ thuế	TCT
28	Đặc điểm phương tiện	Đặc điểm phương tiện (Loại TS, Nhãn hiệu, Số loại hoặc Tên thương mại Loại TS: xxx; Nhãn hiệu: xxx; Số Loại/Tên Thương mại: xxxx)	TCT

III ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU

1. Danh sách các ứng dụng tham gia kết nối

STT	Sender_code/Receiver_code	Sender_name/Receiver_name
1	GIP/T2B	Hệ thống GIP/T2B
2	XXXXXXXX	XXXXXXXX là mã 8 ký tự của ngân hàng do ĐVTT quy định

2. Danh sách các loại message truyền - nhận

STT	Type	Type_name	Sender	Receiver
1	00021	Gửi thông tin chứng từ	XXXXXXXX	GIP/T2B
2	00026	Phản hồi kết quả nhận chứng từ	GIP/T2B	XXXXXXXX
3	00022	Truy vấn thông tin chứng từ	XXXXXXXX	GIP/T2B
4	00023	Trả lời truy vấn thông tin chứng từ	GIP/T2B	XXXXXXXX
5	00027	Kết quả phản hồi trao đổi thông tin khi gặp lỗi	GIP/T2B	XXXXXXXX
6	00046	Yêu cầu tra cứu sổ thuế LPTB	XXXXXXXX	GIP/T2B
7	00047	Trả lời truy vấn yêu cầu tra cứu sổ thuế LPTB	GIP/T2B	XXXXXXXX

3. Chuẩn kết nối

Các ĐVTT xây dựng ứng dụng kết nối đến hệ thống trục ngoài (ESB External) để truyền thông tin chứng từ về Web Services của GIP/T2B.

Chức năng: API để các ĐVTT cấu hình truyền dữ liệu (chứng từ có chữ ký số của ngân hàng/trạng thái chứng từ) đến GIP/T2B.

API name	Property	Value
Web Services	Cung cấp	**ESB**

	Sử dụng	XXXXXXXX, GIP/T2B (với XXXXXXXX là mã ĐVTT, tham chiếu đến mục 1)
	API type	Web services
	Connection name	https://... (Cung cấp khi có yêu cầu kết nối)

4. Chuẩn dữ liệu

4.1. Chuẩn liên ngân hàng khi triển khai NTĐT đối với LPTB

- Cấu trúc:

+ NTDTCN+KB:ND1+NgayNT:ND2+MST:ND3+DBHC:ND4+TKNS:ND5 +CQT:ND6+LThue:ND7+STB:ND8+NTB:ND9+SK:ND10-SM:ND11 (C:ND12-TM:ND13-KT:ND14-ST:ND15-GChu:ND16)

- Các thông tin:

+ ND1 : Số hiệu KB
+ ND2 : Ngày nộp theo định dạng DDMMYYYY
+ ND3 : Mã NNT
+ ND4: Mã DBHC
+ ND5 : Tài khoản NSNN
+ ND6 : Mã CQ thu
+ ND7 : Loại thuế
+ ND8 : Số thông báo nộp thuế/số tờ khai/số quyết định
+ ND9: Ngày thông báo/ngày quyết định
+ ND10 : Số khung
+ ND11 : Số máy
+ ND12: Chương
+ ND13 : Tiểu mục
+ ND14 : Kỳ thuế
+ ND15 : Số tiền
+ ND16 : Ghi chú

- Chú ý:

+ Đối với các trường hợp không yêu cầu gửi số khung, số máy, số thông báo, ngày thông báo có thể để null, các trường hợp này bỏ cả ký hiệu đầu (bỏ: STB, NTB, SK, SM).

+ Đối với trường hợp nộp thay: Ngân hàng không kiểm tra tên người nộp thuế, phần ghi chú (ND16) để nội dung là 'NT'.

4.2. Quy ước về biểu diễn dữ liệu

Trong tài liệu chuẩn này, dữ liệu được đặt trong phần nội dung của thẻ và trong một số trường hợp được đưa vào phần thuộc tính (chẳng hạn phần nội dung chứng từ cần có thuộc tính "id" để phục vụ ký số). Một thẻ chứa dữ liệu bên trong nó thì không chứa bất cứ thẻ con nào khác, và được gọi là thẻ đơn. Thẻ phức là thẻ chỉ chứa các thẻ con. Trong một tài liệu, có thể có ba loại gồm thẻ đơn hoặc thẻ phức hoặc thẻ rỗng. Nếu thẻ là thẻ rỗng (không chứa dữ liệu hoặc bất kỳ thẻ con nào) thì 2 bên thống nhất vẫn để thẻ đó tồn tại trong tài liệu mà không bỏ đi.

4.3. Chuẩn ký tự

Chuẩn Code CharSet ID (CCSID) và Encoding: CCSID =1208 và encoding 546 (UTF-8).

Mục 4.4 sẽ mô tả các thẻ đơn có thể có trong message trao đổi giữa 2 bên.

Các kiểu dữ liệu cơ sở (như String, Integer, Date…) được hiểu như khuyến nghị của tổ chức World Wide Web (W3).

Tài liệu tham khảo tại trang http://www.w3.org/TR/2006/REC-xml11-20060816/. Quy luật chuẩn ký tự được sử dụng theo cách sau: Các tên tiếng Việt được viết liền không dấu, viết hoa; Nếu tên quá dài được viết tắt.

4.4. Chuẩn khuôn dạng message truyền nhận

4.4.1. Khuôn dạng message chung

- Thông điệp trao đổi thông tin trên ESB có khuôn dạng XML bao gồm các thành phần:

+ HEADER: Chứa các thông tin định tuyến truyền tin.

+ BODY: Chứa dữ liệu mà các ứng dụng trao đổi với nhau. Phần này sẽ để mở để các ứng dụng chủ động định nghĩa.

+ SECURITY: Chứa các thông tin về bảo mật. Hiện tại là chữ ký điện tử nhân danh TCT khi TCT gửi dữ liệu ra ngoài và chữ ký điện tử của đối tác ngân hàng,… khi TCT nhận được từ đối tác.

- Cấu trúc khuôn dạng chung của 1 message như sau:

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" ?>
<DATA>
  <HEADER>
      ...
  </HEADER>

  <BODY>
      <ROW>... </ROW>
      <ROW>... </ROW>
          ...
  <SECURITY>
      <SIGNATURE>
        <SignatureValue>
        </SignatureValue>
      </SIGNATURE>
  </SECURITY>

</DATA>
```

- *Lưu ý*: Tất cả các khuôn dạng message chi tiết được trình bày ở các mục 4.4 (từ 4.4.2 cho đến 4.4.7) dưới đây đều được đóng gói bên trong thẻ <ROW></ROW> của khuôn dạng message chung này. Do đó, trong các phần bên dưới đây (từ 4.4.2 cho đến 4.4.7), tài liệu chỉ đề cập đến việc mô tả cấu trúc khuôn dạng message riêng của từng loại dịch vụ, tất cả các khuôn dạng chi tiết này là một thành phần con và được đưa vào trong thẻ <ROW> của khuôn dạng chung như đã đề cập ở trên.

Chi tiết các thẻ phức <HEADER>, <BODY> và <SECURITY> như sau:

Tên thẻ XML	Loại	Độ dài	Diễn giải	Ràng buộc	Chú thích
<HEADER>					
<VERSION>	String	3	Phiên bản message	Bắt buộc	1.0
<SENDER_CODE>	String	10	Mã ứng dụng gửi.	Bắt buộc	
<SENDER_NAME>	String	200	Tên ứng dụng gửi	Tùy chọn	
<RECEIVER_CODE>	String	10	Mã ứng	Bắt	

Tên thẻ XML	Loại	Độ dài	Diễn giải	Ràng buộc	Chú thích
			dụng nhận	buộc	
<RECEIVER_NAME>	String	200	Tên ứng dụng nhận	Tùy chọn	
<TRAN_CODE>	String	5	Mã loại message	Bắt buộc	Mã ***05010***: Là mã giao dịch của ĐVTT truy vấn tới GIP/T2B Mã ***05011***: Là mã giao dịch của GIP/T2B gửi tới ĐVTT
<MSG_ID>	String	20	Id của message gửi	Bắt buộc	SENDER_CODE + sequence (ứng dụng gửi cung cấp). Trong trường hợp msg là msg phản hồi thì giá trị này là "999"
<MSG_REFID>	String	20	Id ref của message gửi	Bắt buộc	là MSG_ID của msg mà msg này báo trạng thái, chỉ có giá trị khi msg này là msg phản hồi (msg cập nhật trạng thái truyền tin)
<ID_LINK>	String	30			Dùng để chứa giá trị của ID chứng từ trong body. Phục vụ việc tra cứu log.Trong trường hợp gửi theo lô, các

Tên thẻ XML	Loại	Độ dài	Diễn giải	Ràng buộc	Chú thích
					ID cách nhau bằng 1 ký tự (vd ":").
<SEND_DATE>	DATE		Ngày gửi message	Bắt buộc	Định dạng DD-MMM-YYYY hh24:mi:ss Ví dụ: 01-Jan-2014 16:17:18
<ORIGINAL_CODE>	String	10	Mã địa chỉ nguồn	Tùy chọn	3 trường original là thông tin về nơi xuất phát của chứng từ gốc, dùng trong trường hợp msg đi qua nhiều chặng
<ORIGINAL_NAME>	String	200	Tên địa chỉ nguồn	Tùy chọn	
<ORIGINAL_DATE>	String		Ngày export dữ liệu	Tùy chọn	Định dạng DD-MMM-YYYY hh24:mi:ss Ví dụ: 01-Jan-2014 16:17:18
<ERROR_CODE>	Number	3	Mã lỗi truyền tin	Tùy chọn	Chỉ có giá trị khi msg là msg phản hồi
<ERROR_DESC>	String	100	Mô tả lỗi truyền tin	Tùy chọn	Chỉ có giá trị khi msg là msg phản hồi
<SPARE1>	String	50	Dự phòng	Tùy chọn	
<SPARE2>	String	50	Dự phòng	Tùy chọn	
<SPARE3>	String	50	Dự phòng	Tùy	

Tên thẻ XML	Loại	Độ dài	Diễn giải	Ràng buộc	Chú thích
				chọn	
</HEADER>					
<BODY>					
<ROW> Dữ liệu XML được định nghĩa bởi các ứng dụng tham gia kết nối **(từ 4.4.2 cho đến 4.4.7)** **</ROW>**					
</BODY>					
<SECURITY>					
<SIGNATURE>					Thẻ chứa các giá trị của thẻ ký
<SignatureValue>	String		Chữ kí điện tử nhân danh tổ chức (TCT, Ngân hàng...)	Tùy chọn	
</SECURITY>					

4.4.2. Khuôn dạng message chứng từ gửi từ ĐVTT tới GIP/T2B

Khuôn dạng message chứng từ gửi từ ĐVTT tới GIP/T2B gửi có cấu trúc như sau:

```
<?xml version="1.0" encoding ="utf-8"?>
<DATA>
<HEADER>
.....
</HEADER>

<BODY>
  <ROW>
    <TYPE>00023</TYPE>
    <NAME>Kết quả thông tin tra cứu chứng từ</NAME>
    <CHUNGTU>
      <MST>0100383959</MST>
      <TEN_NNT>Tổ hợp tác thống nhất</TEN_NNT>
      <DIACHI_NNT>Quận Bắc Từ Liêm</DIACHI_NNT>
      <MST_NNTHAY/>
      <TEN_NNTHAY/>
      <DIACHI_NNTHAY/>
      <SO_TK_NHKBNN>7111</SO_TK_NHKBNN>
      <CQ_QLY_THU>1119800</CQ_QLY_THU>
      <SO_CHUNGTU>180350112 </SO_CHUNGTU>
      <NGAY_CHUNGTU>23/04/2018</NGAY_CHUNGTU>
      <MA_NHTM>NHTM</MA_NHTM>
      <CQUAN_THAMQUYEN>TCT</CQUAN_THAMQUYEN>
      <TINHCHAT_KHOAN_NOP>Nộp NSNN</TINHCHAT_KHOAN_NOP>
      <TRANGTHAI_CHUNGTU>01</TRANGTHAI_CHUNGTU>
      <TINH/>
      <HUYEN/>
      <MA_HTHUC_NOP>01</MA_HTHUC_NOP>
      <DIENGIAI_HTHUC_NOP>Nộp tại quầy</DIENGIAI_HTHUC_NOP>
      <LHINH_NNT/>
      <LOAI_TIEN>VND</LOAI_TIEN>
      <SO_QUYET_DINH>11020180000002147</SO_QUYET_DINH>
      <DIA_CHI_TS/>
      <DAC_DIEM_PTIEN>Loại tài sản:Ô tô con; Nhãn hiệu:PEUGEOT; Số loại/Tên thuong mại:208
CC5SF9;</DAC_DIEM_PTIEN>
      <SO_KHUNG>VF3CC5FS9FT205213</SO_KHUNG>
      <SO_MAY>222518510FHCRPSA5F01</SO_MAY>
      <NGAY_NTIEN>23/04/2018</NGAY_NTIEN>
      <CHUNGTU_CHITIET>
        <CHUONG>757</CHUONG>
        <TIEUMUC>2625</TIEUMUC>
        <THONGTIN_KHOANNOP>Nộp LPTB ô tô, xe máy</THONGTIN_KHOANNOP>
        <SO_TIEN>1138453344</SO_TIEN>
        <KY_THUE/>
      </CHUNGTU_CHITIET>
    </CHUNGTU>
  </ROW>
<SECURITY>
 <SIGNATURE> Nội dung chữ ký </SIGNATURE>
 </SECURITY>

</DATA>
```

Định nghĩa chi tiết message:

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
1	**ROW**		3					
2		TYPE	4	Y	String	10	Kiểu message	
3		NAME	4	Y	String	100	Tên loại message	
4	**CHUNGTU**		4					
5		MST	5	Y	String	14	Mã số thuế	
6		TEN_NNT	5	Y	String	200	Tên người nộp thuế	
7		DIACHI_NNT	5	Y	String	200	Địa chỉ người nộp thuế	
8		MST_NNTHAY	5		String	14	MST người nộp thay	
9		TEN_NNTHAY	5		String	200	Tên người nộp thay	
10		DIACHI_NNTHAY	5		String	200	Địa chỉ người nộp thay	
11		SO_TK_NHKBNN	5	Y	String	100	Số tài khoản	

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
							NH/KBNN	
12		CQ_QLY_THU	5	Y	String	7	Mã cơ quan thu (7 ký tự)	
13		SO_CHUNGTU	5	Y	String	20	Số chứng từ	
14		NGAY_CHUNGTU	5	Y	Date	10	Ngày chứng từ	Định dạng DD/MM /YYYY
15		TINHCHAT_ KHOAN_NOP	5	Y	String	100	Tính chất khoản nộp	
16		CQUAN_THAM QUYEN	5	Y	String	100	Cơ quan thẩm quyền	
17		MA_ĐVTT	5	Y	String	8	Mã 8 số của ngân hàng thương mại	
18		TINH	5	Y	String	5	Mã tỉnh	
19		HUYEN	5	Y	String	5	Mã huyện	
20		MA_HTHUC_NOP	5	Y	String	2	Mã hình thức nộp: 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07	
21		DIENGIAI_ HTHUC_NOP	5	Y	String	100	Diễn giải hình thức nộp: + 00: Nộp tại cổng NTĐT của TCT + 01: Nộp tại quầy + 02: Nộp qua Ebanking + 03: Nộp qua ATM + 04: Nộp qua Home Banking + 05: Nộp	

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
							qua Mobile Banking + 06: Nộp qua hình thức điện tử khác + 07: Nộp qua hình thức phi điện tử khác	
22		LOAI_TIEN	5		String	3	Loại tiền + VND + USD	
23		LHINH_NNT	5		String	1	Loại hình người nộp thuế: + 0: Không xác định + 1: Doanh nghiệp + 2: Cá nhân	
24		SO_QUYET_DINH	5	Y	String	30	Số quyết định, số thông báo, số tờ khai	
25		DIA_CHI_TS	5	Y	String	250	Địa chỉ/số lô/số thửa (với CN BĐS)	
26		SO_KHUNG	5	N	String	30	Đối với LPTB ô tô xe máy	
27		SO_MAY	5	N	String	30	Đối với LPTB ô tô xe máy	
28		NGAY_NTIEN	5		Date	10	Ngày nộp tiền	Định dạng

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
								DD/MM/YYYY
29		DAC_DIEM_PTIEN	5	Y	String	250	Đặc điểm phương tiện (Loại TS, Nhãn hiệu, Số loại hoặc Tên thương mại Loại TS: xxx; Nhãn hiệu: xxx; Số Loại/Tên Thương mại: xxxx)	
30	**CHUNGTU_CHITIET**		4				Thẻ được lặp nhiều lần	
31		CHUONG	5	Y	String	3	Mã Chương	
32		TIEUMUC	5	Y	String	4	Mã tiểu mục	
		THONGTIN_KHOANNOP	5	Y	String	100	Thông tin khoản nộp	
33		SO_TIEN	5	Y	NUMBER	17	Số tiền	
34		KY_THUE	5		String	10	Định dạng: MM/YYYY	
35	**<Signature Value>**			Y			Chữ ký Ngân hàng	
36		SignatureMethod Algorithm					Thuật toán ký theo chuẩn http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#rsa-sha1	
37		Transform Algorithm					Ký theo chuẩn http://www.w3.org/2000/0	

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
							9/xmldsig#enveloped-signature	
38		KeyInfo/ X509Data						
39		X509SubjectName					Tên chủ thể chứng thư số	
40		X509Certificate					Chứng thư số	

4.4.3. Khuôn dạng message truy vấn chứng từ trên GIP/T2B

Khuôn dạng message truy vấn chứng từ trên GIP/T2B có cấu trúc như sau:

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" ?>
<DATA>
  <HEADER>
      ...
  </HEADER>
  <BODY>
  <ROW>
      <TYPE>00022</TYPE>
      <NAME> Tra cứu thông tin chứng từ</NAME>
      <CHUNGTU>
          <MST>123456</MST>
          <MST_NNTHAY>3456789</MST_NNTHAY>
          <SO_CHUNGTU>12345</SO_CHUNGTU>
          <NGAY_CHUNGTU_TUNGAY>20/11/2014</NGAY_CHUNGTU_TUNGAY>
          <NGAY_CHUNGTU_DENNGAY>20/11/2015</NGAY_CHUNGTU_DENNGAY>
          <TRANG_THAI>01</TRANG_THAI>
      </CHUNGTU>

  </ROW>
  </BODY>
  <SECURITY>
    <SIGNATURE>
      <SignatureValue>
        Nội dung chữ ký
      </SignatureValue>
    </SIGNATURE>
  </SECURITY>

</DATA>
```

Định nghĩa chi tiết message:

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả
1	**ROW**		3			
2		TYPE	4	String	10	Kiểu message

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả
3		NAME	4	String	100	Tên loại message
4	**CHUNGTU**		4			
5		MST	5	String	14	Mã số thuế
6		MST_NNTHAY	5	String	14	Mã số thuế người nộp thay thuế
7		SO_CHUNGTU	5	String	20	Số chứng từ
8		NGAY_CHUNGTU_TUNGAY	5	Date	10	Ngày chứng từ (VD: 20/10/2017)
9		NGAY_CHUNGTU_DENNGAY	5	Date	10	Đến ngày chứng từ (VD: 20/10/2017)
10		TRANG_THAI	5	String	2	Trạng thái chứng từ 01: Thành công 02: Hủy
11	**<SignatureValue>**					Chữ ký Ngân hàng
12		SignatureMethod Algorithm				Thuật toán ký theo chuẩn http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#rsa-sha1
13		Transform Algorithm				Ký theo chuẩn http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#enveloped-signature

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả
14		KeyInfo/ X509Data				
15		X509SubjectNam e				Tên chủ thể chứng thư số
16		X509Certificate				Chứng thư số

4.4.4. Khuôn dạng message trả lời truy vấn chứng từ từ GIP/T2B tới ĐVTT

Khuôn dạng message trả lời truy vấn chứng từ từ GIP/T2B tới ĐVTT có cấu trúc như sau:

```
<?xml version="1.0" encoding ="utf-8"?>
<DATA>
<HEADER>
.....
</HEADER>
<BODY>
  <ROW>
    <TYPE>00023</TYPE>
    <NAME>Kết quả thông tin tra cứu chứng từ</NAME>
    <CHUNGTU>
      <MST>0100383959</MST>
      <TEN_NNT>Tổ hợp tác thống nhất</TEN_NNT>
      <DIACHI_NNT>Quận Bắc Từ Liêm</DIACHI_NNT>
      <MST_NNTHAY/>
      <TEN_NNTHAY/>
      <DIACHI_NNTHAY/>
      <SO_TK_NHKBNN>7111</SO_TK_NHKBNN>
      <CQ_QLY_THU>1119800</CQ_QLY_THU>
      <SO_CHUNGTU>180350112 </SO_CHUNGTU>
      <NGAY_CHUNGTU>23/04/2018</NGAY_CHUNGTU>
      <MA_NHTM>NHTM</MA_NHTM>
      <CQUAN_THAMQUYEN>TCT</CQUAN_THAMQUYEN>
      <TINHCHAT_KHOAN_NOP>Nộp NSNN</TINHCHAT_KHOAN_NOP>
      <TRANGTHAI_CHUNGTU>01</TRANGTHAI_CHUNGTU>
      <TINH/>
      <HUYEN/>
      <MA_HTHUC_NOP>01</MA_HTHUC_NOP>
      <DIENGIAI_HTHUC_NOP>Nộp tại quầy</DIENGIAI_HTHUC_NOP>
      <LHINH_NNT/>
      <LOAI_TIEN>VND</LOAI_TIEN>
      <SO_QUYET_DINH>11020180000002147</SO_QUYET_DINH>
      <DIA_CHI_TS/>
      <DAC_DIEM_PTIEN>Loại tài sản:Ô tô con; Nhãn hiệu:PEUGEOT; Số loại/Tên thuong mại:208
CC5SF9;</DAC_DIEM_PTIEN>
      <SO_KHUNG>VF3CC5FS9FT205213</SO_KHUNG>
      <SO_MAY>222518510FHCRPSA5F01</SO_MAY>
      <NGAY_NTIEN>23/04/2018</NGAY_NTIEN>
      <CHUNGTU_CHITIET>
        <CHUONG>757</CHUONG>
        <TIEUMUC>2625</TIEUMUC>
        <THONGTIN_KHOANNOP>Nộp LPTB ô tô, xe máy</THONGTIN_KHOANNOP>
        <SO_TIEN>1138453344</SO_TIEN>
        <KY_THUE/>
      </CHUNGTU_CHITIET>
    </CHUNGTU>
  </ROW>
<SECURITY>
<SIGNATURE> Nội dung chữ ký </SIGNATURE>
</SECURITY>
</DATA>
```

Định nghĩa chi tiết message:

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
1	**ROW**		3				
2		TYPE	4	String	10	Kiểu message	
3		NAME	4	String	100	Tên loại message	
4	**CHUNGTU**		4				
5		MST	5	String	14	Mã số thuế	
6		TEN_NNT	5	String	200	Tên người nộp thuế	
7		DIACHI_NNT	5	String	200	Địa chỉ người nộp thuế	
8		MST_NNTHAY	5	String	14	MST người nộp thay	
9		TEN_NNTHAY	5	String	200	Tên người nộp thay	
10		DIACHI_NNTHAY	5	String	200	Địa chỉ người nộp thay	
11		SO_TK_NHKBNN	5	String	100	Số tài khoản ngân hàng/KBNN	
12		CQ_QLY_THU	5	String	7	Mã cơ quan thu	
13		SO_CHUNGTU	5	String	20	Số chứng từ	
14		NGAY_CHUNGTU	5	Date	10	Ngày chứng từ	Định dạng DD/MM/YYYY
15		TINHCHAT_KHOAN_NOP	5	String	100	Tính chất khoản nộp	

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
16		CQUAN_THAM QUYEN	5	String	100	Cơ quan thẩm quyền	
17		MA_ĐVTT	5	String	8	Mã ngân hàng thương mại	
18		TRANGTHAI_CHUNGTU	5	String	2	Trạng thái chứng từ 01: Thành công 02: Hủy	
19		TINH	5	String	5	Mã Tỉnh	
20		HUYEN	5	String	5	Mã Huyện	
21		MA_HTHUC_NOP	5	String	2	Mã hình thức nộp: 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07	
22		DIENGIAI_HTHUC_NOP	5	String	100	Diễn giải hình thức nộp: + 00: Nộp tại cổng NTĐT của TCT + 01: Nộp tại quầy + 02: Nộp qua Ebanking + 03: Nộp qua ATM	

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
						+ 04: Nộp qua Home Banking + 05: Nộp qua Mobile Banking + 06: Nộp qua hình thức điện tử khác + 07: Nộp qua hình thức phi điện tử khác	
23		LOAI_TIEN	5	String	3	Loại tiền + VND + USD	
24		LHINH_NNT	5	String	1	Loại hình người nộp thuế: + 0: Không xác định + 1: Doanh nghiệp + 2: Cá nhân	
25		SO_QUYET_DINH	5	String	30	Số quyết định	
26		DIA_CHI_TS	5	String	2500	Địa chỉ/số lô/số thửa (với CN BĐS)	
27		SO_KHUNG	5	String	30	Đối với	

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
						LPTB ô tô xe máy	
28		SO_MAY	5	String	30	Đối với LPTB ô tô xe máy	
29		NGAY_NTIEN	5	Date	10	Ngày nộp tiền	Định dạng DD/MM/YYYY
30		DAC_DIEM_PTIEN	5	String	250	Đặc điểm phương tiện (Loại TS, Nhãn hiệu, Số loại hoặc Tên thương mại Loại TS: xxx; Nhãn hiệu: xxx; Số Loại/Tên Thương mại: xxxx)	
31	**CHUNGTU_CHITIET**		4			Thẻ được lặp nhiều lần	
32		CHUONG	5	String	3	Mã Chương	
33		TIEUMUC	5	String	4	Mã tiểu mục	
34		THONGTIN_KHOAN NOP	5	String	100	Thông tin khoản nộp	
35		SO_TIEN	5	Number	17	Số tiền	
36		KY_THUE	5	String	10	Định dạng:	

STT	Thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
						MM/YYYY	
37	<SignatureValue>					Chữ ký Ngân hàng	
38		SignatureMethod Algorithm				Thuật toán ký theo chuẩn http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#rsa-sha1	
39		Transform Algorithm				Ký theo chuẩn http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#enveloped-signature	
40		KeyInfo/ X509Data					
41		X509SubjectName				Tên chủ thể chứng thư số	
42		X509Certificate				Chứng thư số	

4.4.5. Khuôn dạng message phản hồi kết quả nhận chứng từ

Khuôn dạng message phản hồi kết quả nhận chứng từ do GIP/T2B gửi có cấu trúc như sau:

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" ?>
<DATA>
    <HEADER>
        ...
    </HEADER>

    <BODY>
    <ROW>
        <TYPE>00026</TYPE>
        <NAME>Thông báo kết quả nhận chứng từ</NAME>
        <CHUNGTU>
            <SO_CHUNGTU>12345</SO_CHUNGTU>
            <TRANG_THAI>01</TRANG_THAI>
            <MOTA_TRANGTHAI>Nhận thành công</MOTA_TRANGTHAI>
        </CHUNGTU>
    </ROW>
    </BODY>

    <SECURITY>
        <SIGNATURE>
            <SignatureValue>
                Nội dung chữ ký
            </SignatureValue>
        </SIGNATURE>
    </SECURITY>

</DATA>
```

Định nghĩa chi tiết message :

STT	Tên thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả
1	**ROW**		2			
2		**TYPE**	4	String	10	Loại message
3		NAME	4	String	100	Tên của loại cần trao đổi
4	**CHUNGTU**		3			
5		SO_CHUNGTU	4	String	20	Thông báo kết quả nhận cho số chứng từ này
6		TRANG_THAI	4	String	2	Là mã trạng thái của kết quả nhận chứng từ: + 01: Thành

STT	Tên thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả
						công + 02: Không thành công
7		MOTA_TRANGTHAI	4	String	100	Miêu tả trạng thái

4.4.6. Khuôn dạng message truy vấn sổ thuế LPTB

Khuôn dạng message truy vấn sổ thuế LPTB do các ĐVTT gửi có cấu trúc như sau:

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<DATA>
  <HEADER>
  ..............
  </HEADER>
  <BODY>
    <ROW>
      <TYPE>00046</TYPE>
      <NAME>Truy vấn sổ thuế LPTB</NAME>
      <TRUYVAN>
        <SO_TKHAI>11017000000000452</SO_TKHAI>
        <MST>8118150396</MST>
        <LOAI_THUE>03</LOAI_THUE>
      </TRUYVAN>
    </ROW>
  </BODY>
  <SECURITY>
        <SIGNATURE>
        ..............................
        </SIGNATURE>
  </SECURITY>
</DATA>
```

Định nghĩa chi tiết message :

STT	Tên thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả

STT	Tên thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả
1	**ROW**		2			
2		**TYPE**	4	String	10	Loại message
3		NAME	4	String	100	Tên của loại cần trao đổi
4	**TRUYVAN**		4			
5		SO_TKHAI	5	String	30	Số quyết định (số tờ khai) cần tra cứu
6		MST	5	String	14	Mã số thuế cần tra cứu
7		LOAI_THUE	5	String	3	Loại thuế

4.4.7. Khuôn dạng message Trả lời Truy vấn sổ thuế LPTB

Khuôn dạng message trả lời truy vấn sổ thuế LPTB do GIP/T2B gửi có cấu trúc như sau:

```
<?xml version="1.0" encoding ="utf-8"?>
<DATA>
<HEADER>
.....
</HEADER>

<BODY>
  <ROW>
    <TYPE>00047</TYPE>
    <NAME>Kết quả truy vấn số thuế LPTB</NAME>
    <THONGTIN_NNT>
      <THONGTINCHUNG>
        <ROW_NNT>
          <MST>0101913782</MST>
          <TEN_NNT>Nguyễn Đình Thủy</TEN_NNT>
          <LOAI_NNT>0300</LOAI_NNT>
          <SO> 01011582486</SO>
          <CHUONG>557</CHUONG>
          <MA_CQT_QL/>
        </ROW_NNT>
      </THONGTINCHUNG>
      <DIACHI>
        <ROW_DIACHI>
          <MOTA_DIACHI>Quận Hoàn Kiếm</MOTA_DIACHI>
          <MA_TINH>101</MA_TINH>
          <MA_HUYEN>10105</MA_HUYEN>
          <MA_XA/>
        </ROW_DIACHI>
      </DIACHI>
      <SOTHUE>
        <ROW_SOTHUE>
          <MST>0101913782</MST>
          <MA_CHUONG>557</MA_CHUONG>
          <MA_CQ_THU>1054633</MA_CQ_THU>
          <SHKB>0013</SHKB>
          <MA_TMUC>2824</MA_TMUC>
          <NO_CUOI_KY>1050000</NO_CUOI_KY>
          <SO_TAI_KHOAN_CO>7111</SO_TAI_KHOAN_CO>
          <SO_QDINH>1102018000000002178</SO_QDINH>
          <NGAY_QDINH>06/04/2018</NGAY_QDINH>
          <TI_GIA/>
          <LOAI_TIEN>VND</LOAI_TIEN>
          <LOAI_THUE>11</LOAI_THUE>
          <DIA_CHI_TS/>
          <DAC_DIEM_PTIEN>Loại tài sản:Xe mô tô hai bánh; Nhãn hiệu:HONDA; Số loại/Tên thương
mại:DREAM C100MS;</DAC_DIEM_PTIEN>
          <SO_KHUNG>KJSENVLRH</SO_KHUNG>
          <MA_DBHC>1010500</MA_DBHC>
          <SO_MAY>SDJGSEJ</SO_MAY>
          <KY_THUE>04/2018</KY_THUE>
        </ROW_SOTHUE>
      </SOTHUE>
    </THONGTIN_NNT>
  </ROW>
</BODY>

<SECURITY>
<SIGNATURE> Nội dung chữ ký </SIGNATURE>
</SECURITY>

</DATA>
```

Định nghĩa chi tiết message :

STT	Tên thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
1	**ROW**		3				
2		**TYPE**	4	String	10	Loại message	
3		NAME	4	String	100	Tên của loại cần trao đổi	
4	**THONGTIN_NNT**		4				

STT	Tên thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
5	**THONGTIN CHUNG**		5				
6	**ROW_NNT**		6			Thẻ được lặp nhiều lần	
7		MST	7	String	14	Trường hợp NNT không có MST thì trả ra MST đặc biệt	
8		TEN_NNT	7	String	200	Tên người nộp thuế	
9		LOAI_NNT	7	String	4	Loại người nộp thuế	
10		SO_CMND	7	String	20	Số CMND	
11		CHUONG	7	String	3	Mã chương	
12		MA_CQT_QL	7	String	10	Mã cơ quan thuế quản lý NNT	
13	**DIACHI**		5				
14	**ROW_DIACHI**		6			Thẻ được lặp nhiều lần	
15		MOTA_DIACHI	7	String	100	Mô tả địa chỉ	
16		MA_TINH	7	String	5	Mã tỉnh	
17		MA_HUYEN	7	String	5	Mã huyện	

STT	Tên thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
18		MA_XA	7	String	10	Mã xã	
19	**SOTHUE**		5				
20	**ROW_SOTHUE**		6			Thẻ được lặp nhiều lần	
21		MST	7	String	14	Mã số thuế	
22		MA_CHUONG	7	String	3	Mã chương	
23		MA_CQ_THU	7	String	7	Mã CQ thu	Lấy theo địa bàn Cơ quan thuế trên tờ khai
24		SHKB	7	String	4	Số hiệu kho bạc	
25		MA_TMUC	7	String	4	Mã tiểu mục	
26		NO_CUOI_KY	7	Number	20	Nợ cuối kỳ	
27		SO_TAI_KHOAN_CO	7	String	4	Tài khoản hạch toán khoản nộp của NNT	
28		SO_QDINH	7	String	30	Số quyết định	
29		NGAY_QDINH	7	Date	10	Ngày quyết định	Định dạng DD/MM/

STT	Tên thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
							YYYY
30		TI_GIA	7	String	5	Tỉ giá	
31		LOAI_TIEN	7	String	3	Loại tiền + VND + USD	
32		LOAI_THUE	7	String	2	Loại thuế	
33		DIA_CHI_TS	7	String	250	Địa chỉ/số lô/số thửa (với CN BĐS)	
34		SO_KHUNG	7	String	30	Số khung	
35		SO_MAY	7	String	50	Số máy	
36		MA_DBHC	7	String	7	Mã địa bàn hành chính	- Đối với CN BDS: mã xã/phường (mã 07 số) - Đối với LPTB Phương tiện: mã quận/huyện + 00
37		KY_THUE	7	String	10	Định dạng: MM/YYYY	
38		DAC_	5	String	250	Đặc điểm	

STT	Tên thẻ phức	Thẻ đơn	Mức	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả	Ghi chú
		DIEM_PTIEN				phương tiện (Loại TS, Nhãn hiệu, Số loại hoặc Tên thương mại Loại TS: xxx; Nhãn hiệu: xxx; Số Loại/Tên Thương mại: xxxx)	

4.5. Chuẩn bảo mật

Hệ thống GIP/T2B và ESB đòi hỏi mỗi yêu cầu gửi đến phải được xác thực để có thể sử dụng các API trên đó. Ngoài ra, toàn bộ dữ liệu trao đổi cần phải được ký số.

Vì vậy hai bên cần trao đổi chứng thư số được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền (các cơ quan triển khai CA) hoặc TCT. Chuẩn ký sử dụng trong quá trình trao đổi là chuẩn ký XPath Filter.

Phạm vi ký gồm toàn bộ nội dung trong 2 thẻ <HEADER></HEADER>, và <BODY></BODY> của file XML.

Nội dung ký nằm trong thẻ:

<SECURITY>

</SECURITY>

Thông tin về chữ kí điện tử:

1	SignatureMethod Algorithm	Thuật toán ký theo chuẩn http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#rsa-sha1
2	Transform Algorithm	Ký theo chuẩn http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#enveloped-signature

4	X509SubjectName	Tên chủ thể chứng thư số
5	X509Certificate	Chứng thư số

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" ?>
<DATA>
  <HEADER>
      ...
  </HEADER>

  <BODY>
  </BODY>

  <SECURITY>
  <Signature>
  <SignedInfo>
  <CanonicalizationMethod Algorithm="http://www.w3.org/2001/10/xml-exc-c14n#WithComments"/>
  <SignatureMethod Algorithm="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#rsa-sha1"/>
  <Reference URI="">
  <Transforms>
  <Transform Algorithm="http://www.w3.org/TR/1999/REC-xpath-19991116">
  <XPath>ancestor-or-self::HEADER or ancestor-or-self::BODY</XPath>
  </Transform>
  </Transforms>
  <DigestMethod Algorithm="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#sha1"/>
  <DigestValue>EGNfuM555WUM4EpnH3BskS/BuPw=</DigestValue>
  </Reference>
  </SignedInfo>
  <SignatureValue>I4q2zRMdJH0ABMi5p6+X4IxzP+1j0PYqSin+TSALtc+41xKggP2e1qFRz9LFYb1xE24K+Dv8nUeJ gKbfffxh/
  0aULSgDjjtpE3d3ksmm67TRgJcFUYBxgb7RS8j3TQrEsZFNOhjWY0skpBw/PQyp+rGa gBG3pQbYB0aL/YBSiqU=</SignatureValue>
  <KeyInfo>
  <KeyValue>
  <RSAKeyValue>
  <Modulus>mkJxZpZPsUk+KFvCrT2q26lM4x3XS/k4B7J2XTAVEXb2hTCX1QWCwdJBnlq1vHixOUBxpOBaxsGw
  TrSldO661fv1G0zdsMnj+ra1FdjPrn301qtidB87peSnbUlt7CHMoH6YiVzz4sYeSpGWRGgQaA24 pFO56oL2m1o0/fxTKd8=</Modulus>
  <Exponent>AQAB</Exponent>
  </RSAKeyValue>
  </KeyValue>
  <X509Data>
  <X509SubjectName>C=VN,L=2,O=MST:0100231226,CN=Tổng Cục Thuế</X509SubjectName>
  <X509Certificate>MIIEfzCCA2egAwIBAgIQVAR7r0aZd1MDH1EBlSRXNjANBgkqhkiG9w0BAQUFADBuMQswCQYDVQQG </X509Certificate>
  </X509Data>
  </KeyInfo>
  </Signature>
  SECURITY>
</DATA>
```

IV CÁC LOẠI DANH MỤC

1. Danh mục trạng thái chứng từ

Mã trạng thái	Mô tả
01	Thêm mới chứng từ
02	Hủy chứng từ

2. Danh mục thông báo

Mã lỗi	Msg Type	Mô tả lỗi
02	00002	Null Số chứng minh nhân dân
02	00004,00006	Null MST
02	00023	Thiếu điều kiện tìm kiếm
02	00025	Thiếu số chứng từ hoặc mã ngân hàng
02	00027	Các lỗi khác
02	00002,00004,00006	Không tìm thấy kết quả tìm kiếm
02	00004,00006	Mã số thuế không tồn tại trong danh mục
02	00031	Lỗi null mã tài khoản
02	00026	Lỗi insert vào bảng chứng từ
02	00004	Thiếu điều kiện tìm kiếm…MST tìm kiếm null

3. Danh mục loại NNT

Mã loại NNT	Tên Loại NNT
0100	01/ĐK-TCT (TChức, DNghiệp, CTy)
0110	02/ĐK-TCT (TC, DN, CT TThuộc)
0300	03/ĐK-TCT (Cá nhân, nhóm cá nhân KD)
0310	03.1/ĐK-TCT (Cá nhân, nhóm CNKD TT)
0400	04/ĐK-TCT (Nhà thầu nước ngoài)
0410	04.1/ĐK-TCT (ĐV nộp hộ thuế NTNN)
0420	04.2/ĐKT-TCT (NT, NTP không nộp TT)
0430	04.3/ĐK-TCT (BĐH DA T.hiện HĐNT)
0500	06/ĐK-TCT (Tổ chức ngoại giao)
0900	05/ĐK-TCT (CN làm công ăn lương)
9100	01/ĐKT-DKDN (Tổ chức SX, KDHH, DV)
9110	02/ĐK-DKDN (Đơn vị trực thuộc)

4. Danh mục hình thức nộp

Mã hình thức nộp	Tên hình thức nộp
00	Nộp tại cổng NTĐT của TCT
01	Nộp tại quầy
02	Nộp qua Ebanking
03	Nộp qua ATM
04	Nộp qua Home Banking
05	Nộp qua Mobile Banking
06	Nộp qua hình thức điện tử khác
07	Nộp qua hình thức phi điện tử khác

5. XSD Schemas tương ứng

5.1. XSD Schemas Nhận chứng từ từ ĐVTT thực hiện triển khai phối hợp thu LPTB:

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<xs:schema attributeFormDefault="unqualified"
elementFormDefault="qualified"
xmlns:xs="http://www.w3.org/2001/XMLSchema">
 <xs:element name="DATA">
  <xs:complexType>
   <xs:sequence>
    <xs:element name="HEADER">
     <xs:complexType>
      <xs:sequence>
       <xs:element type="xs:string" name="VERSION" />
       <xs:element type="xs:string" name="SENDER_CODE" />
       <xs:element type="xs:string" name="SENDER_NAME" />
       <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_CODE" />
       <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_NAME" />
       <xs:element type="xs:string" name="TRAN_CODE" />
       <xs:element type="xs:string" name="MSG_ID" />
       <xs:element type="xs:string" name="MSG_REFID" />
       <xs:element type="xs:string" name="ID_LINK" />
       <xs:element type="xs:string" name="SEND_DATE" />
       <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_CODE" />
```

```
        <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_NAME" />
        <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_DATE" />
        <xs:element type="xs:string" name="ERROR_CODE" />
        <xs:element type="xs:string" name="ERROR_DESC" />
        <xs:element type="xs:string" name="SPARE1" />
        <xs:element type="xs:string" name="SPARE2" />
        <xs:element type="xs:string" name="SPARE3" />
       </xs:sequence>
      </xs:complexType>
     </xs:element>
     <xs:element name="BODY">
      <xs:complexType>
       <xs:sequence>
        <xs:element name="ROW">
         <xs:complexType>
          <xs:sequence>
           <xs:element type="xs:string" name="TYPE" />
           <xs:element type="xs:string" name="NAME" />
           <xs:element name="CHUNGTU">
            <xs:complexType>
             <xs:sequence>
              <xs:element type="xs:string" name="MST" />
              <xs:element type="xs:string" name="TEN_NNT" />
              <xs:element type="xs:string" name="DIACHI_NNT" />
              <xs:element type="xs:string" name="MST_NNTHAY" />
              <xs:element type="xs:string" name="TEN_NNTHAY" />
              <xs:element type="xs:string" name="DIACHI_NNTHAY"
/>
              <xs:element type="xs:string" name="SO_TK_NHKBNN"
/>
              <xs:element type="xs:string" name="CQ_QLY_THU" />
              <xs:element type="xs:string" name="SO_CHUNGTU" />
              <xs:element type="xs:string" name="NGAY_CHUNGTU"
/>
```

```
                <xs:element                                    type="xs:string"
name="TINHCHAT_KHOAN_NOP" />
                <xs:element                                    type="xs:string"
name="CQUAN_THAMQUYEN" />
        <xs:element type="xs:string" name="MA_NHTM" />
                <xs:element type="xs:string" name="TINH" />
                <xs:element type="xs:string" name="HUYEN" />
                <xs:element  type="xs:string"  name="MA_HTHUC_NOP"
/>
                <xs:element                                    type="xs:string"
name="DIENGIAI_HTHUC_NOP" />
        <xs:element type="xs:string" name="LOAI_TIEN" />
                <xs:element type="xs:string" name="LHINH_NNT" />
                <xs:element  type="xs:string"  name="SO_QUYET_DINH"
/>
                <xs:element type="xs:string" name="DIA_CHI_TS" />
        <xs:element type="xs:string" name="DAC_DIEM_PTIEN" />
                <xs:element type="xs:string" name="SO_KHUNG" />
                <xs:element type="xs:string" name="SO_MAY" />
                <xs:element type="xs:string" name="NGAY_NTIEN" />
                <xs:element                    name="CHUNGTU_CHITIET"
maxOccurs="unbounded" minOccurs="0">
                  <xs:complexType>
                   <xs:sequence>
                    <xs:element type="xs:string" name="CHUONG" />
                    <xs:element type="xs:string" name="TIEUMUC" />
                    <xs:element                                type="xs:string"
name="THONGTIN_KHOANNOP" />
                    <xs:element type="xs:string" name="SO_TIEN" />
                    <xs:element type="xs:string" name="KY_THUE" />
                   </xs:sequence>
                  </xs:complexType>
                 </xs:element>
                </xs:sequence>
```

```
                </xs:complexType>
              </xs:element>
            </xs:sequence>
          </xs:complexType>
        </xs:element>
      </xs:sequence>
    </xs:complexType>
  </xs:element>
  <xs:element name="SECURITY">
    <xs:complexType>
      <xs:sequence>
        <xs:element name="SIGNATURE">
          <xs:complexType>
            <xs:sequence>
              <xs:element type="xs:string" name="SignatureValue" />
            </xs:sequence>
          </xs:complexType>
        </xs:element>
      </xs:sequence>
    </xs:complexType>
  </xs:element>
 </xs:sequence>
</xs:complexType>
</xs:element>
</xs:schema>
```

5.2. XSD Schams tương ứng với message truy vấn chứng từ

```
<xs:schema                                    attributeFormDefault="unqualified"
elementFormDefault="qualified"
xmlns:xs="http://www.w3.org/2001/XMLSchema">
 <xs:element name="DATA">
  <xs:complexType>
   <xs:sequence>
    <xs:element name="HEADER">
     <xs:complexType>
```

```
    <xs:sequence>
     <xs:element type="xs:string" name="VERSION"/>
     <xs:element type="xs:string" name="SENDER_CODE"/>
     <xs:element type="xs:string" name="SENDER_NAME"/>
     <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_CODE"/>
     <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_NAME"/>
     <xs:element type="xs:string" name="TRAN_CODE"/>
     <xs:element type="xs:string" name="MSG_ID"/>
     <xs:element type="xs:string" name="MSG_REFID"/>
     <xs:element type="xs:string" name="ID_LINK"/>
     <xs:element type="xs:string" name="SEND_DATE"/>
     <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_CODE"/>
     <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_NAME"/>
     <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_DATE"/>
     <xs:element type="xs:string" name="ERROR_CODE"/>
     <xs:element type="xs:string" name="ERROR_DESC"/>
     <xs:element type="xs:string" name="SPARE1"/>
     <xs:element type="xs:string" name="SPARE2"/>
     <xs:element type="xs:string" name="SPARE3"/>
    </xs:sequence>
   </xs:complexType>
  </xs:element>
  <xs:element name="BODY">
   <xs:complexType>
    <xs:sequence>
     <xs:element name="ROW">
      <xs:complexType>
       <xs:sequence>
        <xs:element type="xs:string" name="TYPE"/>
        <xs:element type="xs:string" name="NAME"/>
        <xs:element name="CHUNGTU">
         <xs:complexType>
          <xs:sequence>
           <xs:element type="xs:string" name="MST"/>
```

```
                <xs:element type="xs:string" name="MST_NNTHAY"/>
                <xs:element type="xs:string" name="SO_CHUNGTU"/>
                <xs:element                                    type="xs:string"
name="NGAY_CHUNGTU_TUNGAY"/>
                <xs:element                                    type="xs:string"
name="NGAY_CHUNGTU_DENNGAY"/>
                <xs:element type="xs:string" name="TRANG_THAI"/>
               </xs:sequence>
              </xs:complexType>
             </xs:element>
            </xs:sequence>
           </xs:complexType>
          </xs:element>
         </xs:sequence>
        </xs:complexType>
       </xs:element>
       <xs:element name="SECURITY">
        <xs:complexType>
         <xs:sequence>
          <xs:element name="SIGNATURE">
           <xs:complexType>
            <xs:sequence>
             <xs:element type="xs:string" name="SignatureValue"/>
            </xs:sequence>
           </xs:complexType>
          </xs:element>
         </xs:sequence>
        </xs:complexType>
       </xs:element>
      </xs:sequence>
     </xs:complexType>
    </xs:element>
</xs:schema>
```

5.3. XSD Schams tương ứng với message Trả lời truy vấn chứng từ tới ĐVTT thực hiện triển khai phối hợp thu LPTB

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<xs:schema attributeFormDefault="unqualified"
elementFormDefault="qualified"
xmlns:xs="http://www.w3.org/2001/XMLSchema">
 <xs:element name="DATA">
  <xs:complexType>
   <xs:sequence>
    <xs:element name="HEADER">
     <xs:complexType>
      <xs:sequence>
       <xs:element type="xs:string" name="VERSION" />
       <xs:element type="xs:string" name="SENDER_CODE" />
       <xs:element type="xs:string" name="SENDER_NAME" />
       <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_CODE" />
       <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_NAME" />
       <xs:element type="xs:string" name="TRAN_CODE" />
       <xs:element type="xs:string" name="MSG_ID" />
       <xs:element type="xs:string" name="MSG_REFID" />
       <xs:element type="xs:string" name="ID_LINK" />
       <xs:element type="xs:string" name="SEND_DATE" />
       <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_CODE" />
       <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_NAME" />
       <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_DATE" />
       <xs:element type="xs:string" name="ERROR_CODE" />
       <xs:element type="xs:string" name="ERROR_DESC" />
       <xs:element type="xs:string" name="SPARE1" />
       <xs:element type="xs:string" name="SPARE2" />
       <xs:element type="xs:string" name="SPARE3" />
      </xs:sequence>
     </xs:complexType>
    </xs:element>
    <xs:element name="BODY">
```

```
<xs:complexType>
 <xs:sequence>
  <xs:element name="ROW">
   <xs:complexType>
    <xs:sequence>
     <xs:element type="xs:string" name="TYPE" />
     <xs:element type="xs:string" name="NAME" />
     <xs:element name="CHUNGTU">
      <xs:complexType>
       <xs:sequence>
        <xs:element type="xs:string" name="MST" />
        <xs:element type="xs:string" name="TEN_NNT" />
        <xs:element type="xs:string" name="DIACHI_NNT" />
        <xs:element type="xs:string" name="MST_NNTHAY" />
        <xs:element type="xs:string" name="TEN_NNTHAY" />
        <xs:element type="xs:string" name="DIACHI_NNTHAY" />
        <xs:element type="xs:string" name="SO_TK_NHKBNN" />
        <xs:element type="xs:string" name="CQ_QLY_THU" />
        <xs:element type="xs:string" name="SO_CHUNGTU" />
        <xs:element type="xs:string" name="NGAY_CHUNGTU" />
        <xs:element type="xs:string" name="MA_NHTM" />
 <xs:element type="xs:string" name="TRANGTHAI_CHUGNTU" />
        <xs:element type="xs:string"
name="CQUAN_THAMQUYEN" />
        <xs:element type="xs:string"
name="TINHCHAT_KHOAN_NOP" />
         <xs:element type="xs:string" name="TINH " />
        <xs:element type="xs:string" name="HUYEN" />
 <xs:element type="xs:string" name="MA_HTHUC_NOP" />
 <xs:element type="xs:string" name="DIENGIAI_HTHUC_NOP" />
        <xs:element type="xs:string" name="LOAI_TIEN" />
         <xs:element type="xs:string" name="LHINH_NNT />
        <xs:element type="xs:string" name="SO_QUYET_DINH" />
        <xs:element type="xs:string" name="DIA_CHI_TS" />
```

```
            <xs:element type="xs:string" name="DAC_DIEM_PTIEN" />
                <xs:element type="xs:string" name="SO_KHUNG" />
                <xs:element type="xs:string" name="SO_MAY" />
 <xs:element type="xs:string" name="NGAY_NTIEN" />
                <xs:element                    name="CHUNGTU_CHITIET"
maxOccurs="unbounded" minOccurs="0">
                 <xs:complexType>
                  <xs:sequence>
                   <xs:element type="xs:string" name="CHUONG" />
                   <xs:element type="xs:string" name="TIEUMUC" />
                   <xs:element                              type="xs:string"
name="THONGTIN_KHOANNOP" />
                   <xs:element type="xs:string" name="SO_TIEN" />
                   <xs:element type="xs:string" name="KY_THUE" />
                  </xs:sequence>
                 </xs:complexType>
                </xs:element>
               </xs:sequence>
              </xs:complexType>
             </xs:element>
            </xs:sequence>
           </xs:complexType>
          </xs:element>
          <xs:element name="SECURITY">
           <xs:complexType>
            <xs:sequence>
             <xs:element name="SIGNATURE">
              <xs:complexType>
               <xs:sequence>
                <xs:element type="xs:string" name="SignatureValue" />
               </xs:sequence>
```

```
            </xs:complexType>
           </xs:element>
          </xs:sequence>
         </xs:complexType>
        </xs:element>
       </xs:sequence>
      </xs:complexType>
     </xs:element>
</xs:schema>
```

5.4. XSD Schams tương ứng với message phản hồi kết quả nhận chứng từ

```
<xs:schema attributeFormDefault="unqualified"
elementFormDefault="qualified"
xmlns:xs="http://www.w3.org/2001/XMLSchema">
 <xs:element name="DATA">
  <xs:complexType>
   <xs:sequence>
    <xs:element name="HEADER">
     <xs:complexType>
      <xs:sequence>
       <xs:element type="xs:string" name="VERSION"/>
       <xs:element type="xs:string" name="SENDER_CODE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="SENDER_NAME"/>
       <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_CODE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_NAME"/>
       <xs:element type="xs:string" name="TRAN_CODE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="MSG_ID"/>
       <xs:element type="xs:string" name="MSG_REFID"/>
       <xs:element type="xs:string" name="ID_LINK"/>
       <xs:element type="xs:string" name="SEND_DATE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_CODE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_NAME"/>
       <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_DATE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="ERROR_CODE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="ERROR_DESC"/>
```

```
      <xs:element type="xs:string" name="SPARE1"/>
      <xs:element type="xs:string" name="SPARE2"/>
      <xs:element type="xs:string" name="SPARE3"/>
    </xs:sequence>
  </xs:complexType>
</xs:element>
<xs:element name="BODY">
  <xs:complexType>
    <xs:sequence>
      <xs:element name="ROW">
        <xs:complexType>
          <xs:sequence>
            <xs:element type="xs:string" name="TYPE"/>
            <xs:element type="xs:string" name="NAME"/>
            <xs:element name="CHUNGTU">
              <xs:complexType>
                <xs:sequence>
                  <xs:element type="xs:string" name="SO_CHUNGTU"/>
                  <xs:element type="xs:string" name="TRANG_THAI"/>
                  <xs:element type="xs:string" name="MOTA_TRANGTHAI"/>
                </xs:sequence>
              </xs:complexType>
            </xs:element>
          </xs:sequence>
        </xs:complexType>
      </xs:element>
    </xs:sequence>
  </xs:complexType>
</xs:element>
<xs:element name="SECURITY">
  <xs:complexType>
    <xs:sequence>
      <xs:element name="SIGNATURE">
        <xs:complexType>
```

```
            <xs:sequence>
              <xs:element type="xs:string" name="SignatureValue"/>
            </xs:sequence>
          </xs:complexType>
        </xs:element>
      </xs:sequence>
    </xs:complexType>
  </xs:element>
</xs:schema>
```

5.5. XSD Schams tương ứng với message truy vấn sổ thuế LPTB

```
xs:schema attributeFormDefault="unqualified"
elementFormDefault="qualified"
xmlns:xs="http://www.w3.org/2001/XMLSchema">
 <xs:element name="DATA">
  <xs:complexType>
   <xs:sequence>
    <xs:element name="HEADER">
     <xs:complexType>
      <xs:sequence>
       <xs:element type="xs:string" name="VERSION"/>
       <xs:element type="xs:string" name="SENDER_CODE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="SENDER_NAME"/>
       <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_CODE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_NAME"/>
       <xs:element type="xs:string" name="TRAN_CODE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="MSG_ID"/>
       <xs:element type="xs:string" name="MSG_REFID"/>
       <xs:element type="xs:string" name="ID_LINK"/>
       <xs:element type="xs:string" name="SEND_DATE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_CODE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_NAME"/>
```

```
    <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_DATE"/>
    <xs:element type="xs:string" name="ERROR_CODE"/>
    <xs:element type="xs:string" name="ERROR_DESC"/>
    <xs:element type="xs:string" name="SPARE1"/>
    <xs:element type="xs:string" name="SPARE2"/>
    <xs:element type="xs:string" name="SPARE3"/>
   </xs:sequence>
  </xs:complexType>
</xs:element>
<xs:element name="BODY">
  <xs:complexType>
   <xs:sequence>
    <xs:element name="ROW">
     <xs:complexType>
      <xs:sequence>
       <xs:element type="xs:string" name="TYPE"/>
       <xs:element type="xs:string" name="NAME"/>
       <xs:element name="TRUYVAN">
        <xs:complexType>
         <xs:sequence>
          <xs:element type="xs:string" name="SO_TKHAI"/>
          <xs:element type="xs:string" name="MST"/>
          <xs:element type="xs:string" name="LOAI_THUE"/>
         </xs:sequence>
        </xs:complexType>
       </xs:element>
      </xs:sequence>
     </xs:complexType>
    </xs:element>
   </xs:sequence>
  </xs:complexType>
</xs:element>
<xs:element name="SECURITY">
  <xs:complexType>
```

```
        <xs:sequence>
          <xs:element name="SIGNATURE">
            <xs:complexType>
              <xs:sequence>
                <xs:element type="xs:string" name="SignatureValue"/>
              </xs:sequence>
            </xs:complexType>
          </xs:element>
        </xs:sequence>
      </xs:complexType>
    </xs:element>
  </xs:sequence>
 </xs:complexType>
</xs:element>
</xs:schema>
```

5.6. XSD Schams tương ứng với message trả lời truy vấn sổ thuế LPTB

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<xs:schema                                    attributeFormDefault="unqualified"
elementFormDefault="qualified"
xmlns:xs="http://www.w3.org/2001/XMLSchema">
 <xs:element name="DATA">
  <xs:complexType>
   <xs:sequence>
    <xs:element name="HEADER">
     <xs:complexType>
      <xs:sequence>
       <xs:element type="xs:string" name="VERSION" />
       <xs:element type="xs:string" name="SENDER_CODE" />
       <xs:element type="xs:string" name="SENDER_NAME" />
       <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_CODE" />
       <xs:element type="xs:string" name="RECEIVER_NAME" />
       <xs:element type="xs:string" name="TRAN_CODE" />
       <xs:element type="xs:string" name="MSG_ID" />
       <xs:element type="xs:string" name="MSG_REFID" />
```

```
        <xs:element type="xs:string" name="ID_LINK" />
        <xs:element type="xs:string" name="SEND_DATE" />
        <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_CODE" />
        <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_NAME" />
        <xs:element type="xs:string" name="ORIGINAL_DATE" />
        <xs:element type="xs:string" name="ERROR_CODE" />
        <xs:element type="xs:string" name="ERROR_DESC" />
        <xs:element type="xs:string" name="SPARE1" />
        <xs:element type="xs:string" name="SPARE2" />
        <xs:element type="xs:string" name="SPARE3" />
       </xs:sequence>
      </xs:complexType>
     </xs:element>
     <xs:element name="BODY">
      <xs:complexType>
       <xs:sequence>
        <xs:element name="ROW">
         <xs:complexType>
          <xs:sequence>
           <xs:element type="xs:string" name="TYPE" />
           <xs:element type="xs:string" name="NAME" />
           <xs:element name="THONGTIN_NNT">
            <xs:complexType>
             <xs:sequence>
              <xs:element name="THONGTINCHUNG">
               <xs:complexType>
                <xs:sequence>
                 <xs:element                    name="ROW_NNT"
maxOccurs="unbounded" minOccurs="0">
                  <xs:complexType>
                   <xs:sequence>
                    <xs:element type="xs:string" name="MST" />
                    <xs:element type="xs:string" name="TEN_NNT" />
                    <xs:element type="xs:string" name="LOAI_NNT" />
```

```
                    <xs:element type="xs:string" name="SO" />
                    <xs:element type="xs:string" name="CHUONG" />
                    <xs:element type="xs:string" name="MA_CQT_QL" />
                   </xs:sequence>
                  </xs:complexType>
                 </xs:element>
                </xs:sequence>
               </xs:complexType>
              </xs:element>
              <xs:element name="DIACHI">
               <xs:complexType>
                <xs:sequence>
                 <xs:element                    name="ROW_DIACHI"
maxOccurs="unbounded" minOccurs="0">
                  <xs:complexType>
                   <xs:sequence>
                    <xs:element type="xs:string" name="MOTA_DIACHI"
/>
                    <xs:element type="xs:string" name="MA_TINH" />
                    <xs:element type="xs:string" name="MA_HUYEN" />
                    <xs:element type="xs:string" name="MA_XA" />
                   </xs:sequence>
                  </xs:complexType>
                 </xs:element>
                </xs:sequence>
               </xs:complexType>
              </xs:element>
              <xs:element name="SOTHUE">
               <xs:complexType>
                <xs:sequence>
                 <xs:element                    name="ROW_SOTHUE"
maxOccurs="unbounded" minOccurs="0">
                  <xs:complexType>
                   <xs:sequence>
```

```
                <xs:element type="xs:string" name="MST" />
                    <xs:element  type="xs:string"  name="MA_CHUONG"
/>
                    <xs:element  type="xs:string"  name="MA_CQ_THU"
/>
                    <xs:element type="xs:string" name="SHKB" />
                    <xs:element type="xs:string" name="MA_TMUC" />
                    <xs:element  type="xs:string"  name="NO_CUOI_KY"
/>
                    <xs:element                              type="xs:string"
name="SO_TAI_KHOAN_CO" />
                    <xs:element type="xs:string" name="SO_QDINH" />
                    <xs:element  type="xs:string"  name="NGAY_QDINH"
/>
                    <xs:element type="xs:string" name="TI_GIA" />
                    <xs:element type="xs:string" name="LOAI_TIEN" />
                    <xs:element type="xs:string" name="LOAI_THUE" />
                    <xs:element type="xs:string" name="DIA_CHI_TS" />
 <xs:element type="xs:string" name="DAC_DIEM_PTIEN" />
                    <xs:element type="xs:string" name="SO_KHUNG" />
                    <xs:element type="xs:string" name="SO_MAY" />
                    <xs:element type="xs:string" name="MA_DBHC" />
                    <xs:element type="xs:string" name="KY_THUE" />
                  </xs:sequence>
                 </xs:complexType>
                </xs:element>
               </xs:sequence>
              </xs:complexType>
             </xs:element>
            </xs:sequence>
           </xs:complexType>
          </xs:element>
         </xs:sequence>
        </xs:complexType>
```

```
            </xs:element>
          </xs:sequence>
        </xs:complexType>
      </xs:element>
      <xs:element name="SECURITY">
        <xs:complexType>
          <xs:sequence>
            <xs:element name="SIGNATURE">
              <xs:complexType>
                <xs:sequence>
                  <xs:element type="xs:string" name="SignatureValue" />
                </xs:sequence>
              </xs:complexType>
            </xs:element>
          </xs:sequence>
        </xs:complexType>
      </xs:element>
    </xs:sequence>
  </xs:complexType>
 </xs:element>
</xs:schema>
```